

Số: 01/NQ-VAYSE

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chương trình hành động của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

BAN CHẤP HÀNH HỘI TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ VIỆT NAM

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Điều lệ Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam;

- Căn cứ tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của Hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết nghị này Chương trình hành động của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Các Trưởng Ban, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ KH&CN (để báo cáo);
- Lưu VT, VP.

Lê Phước Minh

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024
của Bộ Chính trị về về đột phá phát triển khoa học, công nghệ
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

*(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-VAYSE ngày 15 tháng 02 năm 2025 của
Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam)*

I. MỤC TIÊU

1. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 57-NQ/TW trong phạm vi hoạt động của Hội.

2. Xây dựng Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam (VAYSE) trở thành tổ chức vững mạnh, đóng vai trò nòng cốt trong tập hợp, đoàn kết, phát huy sức sáng tạo và trí tuệ của đội ngũ trí thức trẻ Việt Nam, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức trẻ:

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt và học tập sâu rộng Nghị quyết 57-NQ/TW: Tổ chức hội thảo, diễn đàn, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề về vai trò, vị trí của trí thức trẻ và các nội dung của Nghị quyết 57-NQ/TW; Xây dựng các sản phẩm truyền thông đa dạng về Nghị quyết 57-NQ/TW trên các kênh thông tin của Hội; Phát động các phong trào thi đua trong hội viên về học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; Lồng ghép nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Hội. Tăng cường cung cấp, thông tin và bồi dưỡng nhận thức chính trị, trách nhiệm công dân.

b) Vận động hội viên trí thức trẻ tham gia vào các hoạt động của Hội và đóng góp cho xã hội: Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để hội viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, tư vấn, phản biện và giám định xã hội; Thành lập các câu lạc bộ, đội, nhóm theo chuyên môn, sở thích để hội viên giao lưu, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm; Tổ chức các cuộc thi, giải thưởng để tôn vinh các hội viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động; Kết nối hội viên với các cơ hội việc làm, thực tập, nghiên cứu, hợp tác trong và

ngoài nước; Phát động và hỗ trợ các hoạt động tình nguyện, cộng đồng của các đội, nhóm, CLB để khoa học, tri thức được lan tỏa và hữu ích cho mọi lứa tuổi, tầng lớp trong xã hội; Xây dựng cơ chế khen thưởng, biểu dương kịp thời các hội viên có đóng góp tích cực.

2. Tham gia xây dựng, hoàn thiện và phản biện thể chế, chính sách liên quan đến trí thức, đặc biệt là trí thức trẻ:

a) Nghiên cứu, rà soát và đánh giá các văn bản hiện hành: Định kỳ rà soát, đánh giá hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách hiện hành liên quan đến trí thức trẻ (về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh,...); Phân tích tác động của các chính sách hiện hành đến đội ngũ trí thức trẻ; Xác định những bất cập, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các rào cản đối với sự phát triển của đội ngũ trí thức.

b) Chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản: Đóng góp ý kiến, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trí thức trẻ; Xây dựng các báo cáo, đề xuất, kiến nghị về các chính sách cụ thể liên quan đến trí thức trẻ (ví dụ: chính sách về khởi nghiệp sáng tạo, chính sách về thu hút nhân tài, chính sách về làm việc trong môi trường quốc tế, chính sách tạo môi trường thông thoáng...); Tham gia vào các diễn đàn, hội thảo, tọa đàm để đóng góp ý kiến về các chính sách liên quan; Kết nối, thúc đẩy quan hệ với cơ quan hữu quan để bảo đảm chất lượng tham vấn chính sách.

c) Xây dựng, ban hành các quy định, quy chế thuộc thẩm quyền: Trong phạm vi hoạt động, cần có các xây dựng, ban hành hoặc đề nghị ban hành những văn bản chính thức thể chế hóa các chủ trương, chính sách về trí thức nói chung.

d) Tăng cường giám sát và phản biện chính sách: Theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến trí thức trẻ; Tham gia phản biện các dự thảo chính sách, đề án, chương trình liên quan đến trí thức trẻ; Tổ chức các hoạt động đánh giá độc lập về hiệu quả của các chính sách.

3. Tăng cường và huy động đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, xây dựng và phát triển hạ tầng cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST):

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư: Rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách hiện hành về thu hút đầu tư cho KH,CN&ĐMST (bao gồm cả cơ sở vật chất, không gian làm việc chung, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng số); Nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù cho các dự án đầu tư vào hạ tầng KH,CN&ĐMST (ví dụ: ưu đãi về thuế, đất đai,

tín dụng,...); Tạo lập diễn đàn đối thoại chính sách với các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư.

b) Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư: Tăng cường huy động vốn từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng KH,CN&ĐMST; Vận động, thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Kêu gọi đầu tư từ các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, các tổ chức tài chính quốc tế; Phát hành trái phiếu khoa học công nghệ; Tìm kiếm, tiếp cận các khoản hỗ trợ, ODA, tài trợ không hoàn lại, viện trợ của các tổ chức, chính phủ nước ngoài.

c) Xây dựng và phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, khu công nghệ cao, vườn ươm công nghệ,... đạt chuẩn quốc tế, có chuyên gia quốc tế đến hỗ trợ làm việc và chuyển giao; Xây dựng các nền tảng số, hạ tầng dữ liệu dùng chung cho các hoạt động KH,CN&ĐMST; Phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số và phát triển kinh tế số; Đầu tư phát triển và tạo lập trung tâm tri thức, "mạng lưới chuyên gia tri thức liên kết", hình thành không gian nghiên cứu khoa học, học thuật và đối thoại, hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

d) Liên kết tạo lập không gian làm việc chung, sáng tạo: Thiết lập các không gian làm việc chung (co-working spaces), các trung tâm đổi mới sáng tạo, các vườn ươm doanh nghiệp; Tạo môi trường làm việc mở, khuyến khích sự tương tác, trao đổi, chia sẻ ý tưởng giữa các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, doanh nhân; Tổ chức không gian kết nối các chuyên gia, đội ngũ tri thức; gặp gỡ, đối thoại trao đổi học thuật kinh nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm công việc; công bố thông tin khoa học, kết quả nghiên cứu trên các tập san của thế giới và trong nước;

đ) Vận động chính sách, kết nối, tham gia vận động với các chuyên gia: Vận động chính sách từ các nguồn đóng góp của những hội, viện nghiên cứu; Tích cực tìm hiểu các chương trình liên kết hỗ trợ giữa hội và các doanh nghiệp.

4. Phát triển, kết nối và xây dựng mạng lưới đội ngũ tri thức, nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu và nền tảng kết nối tri thức: Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đội ngũ tri thức, nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước (bao gồm thông tin về chuyên môn, kinh nghiệm, lĩnh vực quan tâm, các công trình nghiên cứu, các đóng góp,...); Phát triển nền tảng trực tuyến (ví dụ: cổng thông tin, diễn đàn, mạng xã hội chuyên biệt) để kết nối đội ngũ tri thức, tạo môi trường trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, hợp tác nghiên cứu và phát triển

dự án; Thiết lập cơ chế thu thập, cập nhật, quản lý và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về đội ngũ trí thức; Phân loại và thống kê danh sách, thông tin đội ngũ trí thức.

b) Tăng cường kết nối, hợp tác giữa các trí thức trong và ngoài nước: Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, workshop, sự kiện khoa học,... để các trí thức trong và ngoài nước gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác nghiên cứu và phát triển dự án; Thành lập các nhóm nghiên cứu, làm việc chung (working groups) theo lĩnh vực chuyên môn, kết nối các trí thức trong và ngoài nước; Tạo điều kiện cho các trí thức Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam; Xây dựng các chương trình trao đổi, hợp tác nghiên cứu, đào tạo giữa các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước và các tổ chức khoa học, giáo dục uy tín ở nước ngoài; Thúc đẩy trao đổi chính sách, học hỏi các kinh nghiệm lẫn nhau giữa các đội ngũ.

c) Phát triển mạng lưới trí thức trẻ: Triển khai các hoạt động kết nối trực tuyến và trực tiếp; Thành lập các câu lạc bộ, diễn đàn, mạng lưới dành riêng cho trí thức trẻ; Tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa trí thức trẻ với các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành; Hỗ trợ trí thức trẻ tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; Xây dựng các chương trình ươm tạo, hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo của trí thức trẻ; Tạo sân chơi về chuyên môn lành mạnh

d) Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng trí thức: Xây dựng và hoàn thiện các chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức, đặc biệt là trí thức trẻ, tài năng, trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài; Tạo môi trường làm việc thuận lợi, khuyến khích sáng tạo, đổi mới và cống hiến cho đội ngũ trí thức; Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của trí thức, tạo động lực để trí thức gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của đất nước; Tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

5. Phát huy năng lực, giá trị và kết nối đội ngũ trí thức; đẩy mạnh hiệu quả quản trị trí thức phục vụ các mục tiêu phát triển:

a) Thành lập và phát triển các đơn vị thành viên chuyên trách: Thành lập các đơn vị thành viên (ví dụ: viện, trung tâm, câu lạc bộ,...) chuyên sâu về các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) ưu tiên, có tiềm năng; Đẩy mạnh truyền thông quảng bá: Khuyến khích các trí thức, đặc biệt là trí thức trẻ, tham gia vào các đơn vị này; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá, cơ chế tạo động lực.

b) Nâng cao hiệu quả quản trị trí thức trong các đơn vị thành viên và toàn Hội: Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý trí thức (knowledge management

system) trong các đơn vị thành viên và toàn Hội; Tạo môi trường làm việc khuyến khích chia sẻ, trao đổi, học hỏi và sáng tạo tri thức; Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, lưu trữ, khai thác và phổ biến tri thức; Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản trị tri thức cho đội ngũ cán bộ, hội viên; Triển khai đánh giá, phân loại các cấp độ nhận thức về làm việc, hoạt động của đội ngũ tri thức.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tri thức: Tăng cường ứng dụng các công nghệ số (trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet of Things (IoT), blockchain,...) trong hoạt động của các đơn vị thành viên và toàn Hội; Hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng số; Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức trong việc chuyển đổi số; Đẩy mạnh và mở rộng thêm phạm vi, vai trò của các cơ quan trong nước; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tri thức.

d) Tăng cường các hoạt động đối thoại, phản biện và vận động chính sách: Tăng cường và củng cố các đội, nhóm làm công tác hỗ trợ chuyên môn cho hoạt động và sự phát triển bền vững của tổ chức; Thành lập kênh liên lạc, báo cáo, cung cấp các kết quả thống kê của khoa học công nghệ.

6. Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST):

a) Xây dựng mạng lưới hợp tác KH,CN&ĐMST: Chủ động thiết lập, tham gia và mở rộng mạng lưới hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức KHCN trong nước và quốc tế; Xây dựng cơ sở dữ liệu về các đối tác tiềm năng (trong nước và quốc tế) để phục vụ cho việc kết nối, hợp tác; Tổ chức các sự kiện kết nối (networking events), hội thảo, workshop,... để tạo cơ hội gặp gỡ, trao đổi, tìm kiếm đối tác; Khuyến khích hội viên tham gia các mạng lưới chuyên môn, các hiệp hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế; Tìm kiếm nguồn lực để hỗ trợ các chính sách

b) Thúc đẩy các hoạt động hợp tác cụ thể:

Hợp tác nghiên cứu: Xây dựng và triển khai các dự án nghiên cứu chung với các đối tác trong và ngoài nước; Trao đổi nhà khoa học, nghiên cứu viên, sinh viên giữa các tổ chức; Chia sẻ dữ liệu, kết quả nghiên cứu, công bố chung các công trình khoa học; Tham gia các chương trình nghiên cứu quốc tế.

Hợp tác đào tạo: Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chung với các đối tác; Mời chuyên gia, giảng viên quốc tế đến giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm; Xây dựng các chương trình liên kết đào tạo, cấp bằng chung;

Hợp tác thương mại hóa kết quả nghiên cứu: Chuyển giao công nghệ, kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp, tổ chức; Thành lập các doanh nghiệp spin-off, spin-out để thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ KH&CN; Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm KH&CN ra thị trường trong và ngoài nước.

Hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố: Hỗ trợ các địa phương có nguồn cung và chuyên môn còn hạn chế; Liên lạc, tìm kiếm giải pháp cho các bài toán khó, vấn đề thực tiễn, các vướng mắc, thiếu hụt chuyên môn và số lượng.

c) Nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về KH&CN&ĐMST: Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho hội viên về các kỹ năng cần thiết để tham gia hợp tác quốc tế (ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kiến thức về luật pháp quốc tế,...); Cung cấp thông tin, tư vấn cho hội viên về các cơ hội hợp tác quốc tế, các chương trình, dự án tài trợ quốc tế; Tăng cường sự hiện diện và vai trò của Hội trong các tổ chức KH&CN quốc tế; Hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua các trở ngại trong công tác, trong đó có hoạt động quốc tế.

d) Thực hiện và hoàn thành tốt vai trò "đại sứ KH&CN" cho quốc gia và quốc tế: Tiếp nhận các thành viên, phái đoàn các nhà khoa học quốc tế khi đến Việt Nam; Vận động nguồn hỗ trợ ODA cũng như tài chính để giúp duy trì sự hoạt động cũng như hoàn thành sứ mệnh chung.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chấp hành Hội lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, tổ chức giao ban, điều phối hoạt động và thúc đẩy, đốc thúc tiến trình, gia tăng tính trách nhiệm giải trình công việc của các cơ quan.

2. Thường trực Hội nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp, biện pháp cụ thể để thực hiện Nghị quyết; Xây dựng các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết; Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết; báo cáo Ban Chấp hành Hội; Đảm bảo sự phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa các ban chuyên môn trong quá trình thực hiện; Giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp.

3. Các Ban chuyên môn

a) Ban Khoa học và Công nghệ: Chủ trì xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, dự án về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST); Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, tọa đàm chuyên môn; Kết nối, hợp tác với các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước; Đề xuất các giải pháp thúc đẩy ứng dụng KH&CN&ĐMST.

b) Ban Tổ chức - Phát triển Hội tham mưu về công tác tổ chức bộ máy, phát triển hội viên; Xây dựng kế hoạch phát triển hội viên, tổ chức các hoạt động thu hút hội viên mới; Quản lý hồ sơ, dữ liệu hội viên; thực hiện các thủ tục liên quan đến hội viên.

c) Ban Công nghệ Thông tin tham mưu về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động Hội; Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin của Hội; Hỗ trợ các ban chuyên môn ứng dụng CNTT; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về CNTT.

d) Ban Đào tạo - Bồi dưỡng tham mưu về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức trẻ; Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng; Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; Kết nối với các cơ sở đào tạo.

đ) Ban truyền thông và báo chí thực hiện đúng vai trò tham mưu, các việc cần triển khai; Tổ chức các hoạt động thông tin, đối thoại; Xây dựng, quảng bá và nâng cao hình ảnh của hội.

e) Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế tham mưu về công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế; Xây dựng và phát triển quan hệ hợp tác; Tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác; Thu hút các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài.

g) Ban Chính sách là đầu mối, tiếp nhận thông tin giữa Thường trực và các ban; Nghiên cứu, hoàn thiện, giám sát và báo cáo, rà soát về thể chế chính sách.

h) Ban kiểm tra thực hiện thanh tra và kiểm tra các hoạt động của ban.

i) Ban Tài chính tTham mưu và đề xuất các hoạt động, công tác liên quan đến Tài chính.

4. Các tổ chức KH&CN trực thuộc Hội cụ thể hóa Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch hành động của đơn vị; Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; Chủ động, sáng tạo trong hoạt động, phù hợp với điều kiện thực tế và báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ban Chấp hành Hội.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Hội, các tổ chức trực thuộc chủ động đề xuất gửi Ban chấp hành Hội để tổng hợp, xem xét, quyết định./.

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ**

(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 01/NQ-VAYSE ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hội Trí thức khoa học và công nghệ trẻ Việt Nam)

TT	Chỉ tiêu Cụ thể	Đơn vị tính	Mục tiêu đến 2030	Ghi chú
1. Nâng cao nhận thức				
1.1	Số lượng hội thảo, diễn đàn, tọa đàm được tổ chức về chủ đề trí thức, Nghị quyết 57	Lần/năm	$\geq 4/\text{năm}$	Các cấp độ, quy mô khác nhau
1.2	Số lượng sản phẩm truyền thông được tạo ra về Nghị quyết 57 (bài viết, infographic, video,...)	Sản phẩm/năm	$\geq 12/\text{năm}$	Trên các kênh truyền thông
1.3	Tỷ lệ hội viên tham gia học tập, quán triệt Nghị quyết 57	%	$\geq 90\%$	
2. Hoàn thiện thể chế, chính sách				
2.1	Số lượng ý kiến đóng góp cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trí thức	Ý kiến/năm	$\geq 5/\text{năm}$	
2.2	Số lượng báo cáo, đề xuất, kiến nghị về chính sách được gửi đến các cơ quan nhà nước	Báo cáo/năm	$\geq 2/\text{năm}$	
2.3	Số lần tham gia phản biện các dự thảo chính sách	Lần/năm	≥ 4	
3. Phát triển và kết nối đội ngũ				
3.1	Số lượng hội viên mới được kết nạp (phân theo độ tuổi, giới tính, lĩnh vực)	Người/năm	$+15\%/\text{năm}$	Tập trung vào trí thức trẻ
3.2	Số lượng các hoạt động kết nối, hợp tác với các tổ chức trí thức trong và ngoài nước được tổ chức (hội thảo, workshop, dự án chung, trao đổi chuyên gia,...)	Lần/năm	≥ 6	Trong và ngoài nước
3.3	Số lượng trí thức trẻ, chuyên gia, nhà khoa học được kết nối	người	$\geq 500/\text{năm}$	Bao gồm trong nước

				và nước ngoài
4. Đổi mới sáng tạo				
4.1	Quản lý và đánh giá hiệu quả, đóng góp; Phản biện; Báo cáo	Báo cáo, tư vấn	Cụ thể và liên tục	
4.2	Xây dựng và phát triển	Nền tảng, trung tâm	Bám sát số lượng phát triển	
5. Phát huy năng lực, quản trị				
5.1	Thành lập trung tâm, viện, clb.. chuyên môn; liên kết đến chuyên môn	Số đầu mối	Thống nhất	
5.2	Tỷ lệ hội viên tham gia các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện, giám định xã hội	%	$\geq 60\%$	
6. Kết nối và giao lưu				
6.1	Thành lập cơ chế và quy định thu thập và trao đổi thông tin	Hệ thống và các đợt kiểm tra, giám sát	Cụ thể, nhanh chóng và chất lượng	
6.2	Tham gia tích cực các diễn đàn, họp báo, chuyên đề	Tần suất	Tích cực và định kỳ theo các thời điểm	
6.3	Vận hành tốt và phát triển mạnh mẽ hệ thống, kết nối thông tin	Mạng lưới	Liên tục và thường xuyên	
6.4	Tăng cường quảng bá, liên kết giữa các ban	Phạm vi và mức độ lan toả, tương tác	Đảm bảo	

BẢNG CHI TIẾT "DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI" (THEO NHÓM NHIỆM VỤ)
(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 01/NQ-VAYSE ngày 15 tháng 02 năm 2025
của Hội Trí thức Khoa học và Công nghệ trẻ Việt Nam)

T T	Tên nhóm nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Cá nhân phụ trách (Đề xuất)	Đơn vị/Cá nhân phối hợp	Kết quả	Thời gian
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức trẻ	(Tùy Ban CH chỉ định, có thể là liên ban)	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các cơ quan truyền thông, các trường đại học, viện nghiên cứu, các chuyên gia...	- Các hoạt động cụ thể như trong bảng chi tiết trước. - Chỉ tiêu cụ thể về số lượng, tần suất, mức độ tham gia...	Theo kế hoạch chi tiết
1.1	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết 57-NQ/TW và các văn bản liên quan đến trí thức trẻ.	Ban Truyền thông và Báo chí; BDH	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các cơ quan truyền thông, các trường đại học, viện nghiên cứu...	- Số lượng, hình thức các hoạt động tuyên truyền. - Số lượng người tiếp cận. - Mức độ hiểu biết, nhận thức về Nghị quyết 57.	Thường xuyên
1.2	Xây dựng và phát hành các sản phẩm truyền thông đa dạng (infographic, video, bài viết, podcast...) về vai trò của trí thức trẻ.	Ban Truyền thông và Báo chí	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các chuyên gia truyền thông, các kênh truyền thông...	- Số lượng, hình thức, chất lượng các sản phẩm. - Số lượt xem, chia sẻ, tương tác. - Mức độ lan tỏa, tác động của các sản phẩm.	Hàng quý, hàng năm
1.3	Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, sinh hoạt chuyên đề để trao đổi, thảo luận về vai trò của trí thức trẻ trong các lĩnh vực.	Ban Khoa học và Công nghệ; BDH	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các chuyên gia, nhà khoa học, các trường đại học, viện nghiên cứu...	- Số lượng, hình thức, quy mô các hoạt động. - Số lượng người tham gia, thảo luận. - Chất lượng các nội dung trao đổi.	Hàng quý, hàng năm

1.4	Phát động các phong trào thi đua, cuộc thi, giải thưởng... để khuyến khích trí thức trẻ phát huy vai trò, trách nhiệm của mình.	Ban Tổ chức - Phát triển Hội	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức liên quan...	- Số lượng, hình thức các phong trào, cuộc thi. - Số lượng người tham gia. - Chất lượng, tác động của các hoạt động.	Hàng năm
1.5	Xây dựng và phát triển các kênh thông tin (website, mạng xã hội, bản tin...) để chia sẻ thông tin, kiến thức, kinh nghiệm cho trí thức trẻ.	Ban Truyền thông và Báo chí	(Tùy Ban CH chỉ định)	Ban Công nghệ Thông tin, các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên...	- Kênh thông tin được xây dựng và vận hành hiệu quả. - Số lượng người truy cập, tương tác. - Chất lượng, tính hữu ích của thông tin.	Liên tục
1.6	Lồng ghép các nội dung về vai trò của trí thức trẻ vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Hội và các đối tác.	Ban Đào tạo - Bồi dưỡng	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các cơ sở đào tạo...	- Nội dung được lồng ghép vào các chương trình đào tạo. - Số lượng người được tiếp cận với các nội dung này.	Liên tục
1.7	Vận động nguồn lực để phát triển các hoạt động, đặc biệt chú trọng đến việc tổ chức các hội nghị chuyên đề	Ban kinh tế/ Ban KHCN	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các doanh nghiệp; Các ban chuyên môn	- Số lượng chương trình đã và đang thực hiện.	Hàng năm
2	Tham gia xây dựng, hoàn thiện và phản biện thể chế, chính sách liên quan đến trí thức, đặc biệt là trí thức trẻ	Ban Chính sách	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các viện nghiên cứu, trường đại học, các chuyên gia luật, các	- Các hoạt động cụ thể như trong bảng chi tiết trước. - Số lượng văn bản góp ý, báo cáo, kiến nghị...	Theo kế hoạch chi tiết

				cơ quan nhà nước có thẩm quyền...	- Mức độ ảnh hưởng của các ý kiến đóng góp...	
2.1	Nghiên cứu, rà soát, đánh giá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách hiện hành liên quan đến trí thức trẻ.	Ban Chính sách	(Tùy Ban CH chỉ định, ưu tiên chuyên gia luật)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các viện nghiên cứu, trường đại học, các chuyên gia luật...	- Báo cáo rà soát, đánh giá hệ thống văn bản, chính sách. - Phân tích các bất cập, hạn chế. - Đề xuất các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.	Hàng năm, hoặc theo yêu cầu cụ thể
2.2	Tham gia góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến trí thức trẻ (khi được yêu cầu hoặc chủ động).	Ban Chính sách	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các chuyên gia luật...	- Số lượng văn bản góp ý. - Chất lượng, mức độ ảnh hưởng của các ý kiến góp ý. - Công văn đóng góp	Thường xuyên
2.3	Xây dựng báo cáo, đề xuất, kiến nghị về các chính sách cụ thể liên quan đến trí thức trẻ (ví dụ: thu hút, trọng dụng, đãi ngộ...).	Ban Chính sách	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các chuyên gia, các nhà khoa học...	- Số lượng, chất lượng các báo cáo, đề xuất, kiến nghị. - Mức độ được các cơ quan có thẩm quyền tiếp thu, xem xét, giải quyết. - Báo cáo có giá trị thực tiễn	Theo kế hoạch cụ thể
2.4	Tổ chức/tham gia các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn để thảo luận, phản biện về các chính sách liên quan đến trí thức trẻ.	Ban Chính sách	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các viện nghiên cứu, trường đại học, các chuyên gia, các cơ quan quản lý nhà nước...	- Số lượng, hình thức, quy mô các hoạt động. - Chất lượng, mức độ tham gia, thảo luận. - Tính ứng dụng của các nội dung	Hàng quý, hàng năm
2.5	Thiết lập kênh đối thoại, trao đổi thông tin thường xuyên với các cơ ĐN-HTQT	Ban Chính sách, Ban ĐN-HTQT	(Tùy Ban CH chỉ định)	Lãnh đạo Hội, các ban chuyên môn, các cơ quan quản lý nhà nước...	- Kênh đối thoại được thiết lập và duy trì. - Số lượng, tần suất, nội dung các cuộc trao đổi.	Thường xuyên

	quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến trí thức trẻ.					
2.6	Đóng góp ý kiến về vấn đề: dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trí thức trẻ	Ban chính sách	(Tùy Ban CH chỉ định)	các chuyên gia; Các ban,	- Số lượng, ý kiến đóng góp về dự thảo được tiếp thu, được trân trọng.	Theo quy định
2.7	Đề xuất các dự thảo văn bản.	Ban chính sách	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các chuyên gia,	- Số lượng, văn bản dự thảo được đánh giá và được sử dụng	Theo quy định
3	Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST); kết nối, liên kết với các tỉnh, thành phố	Ban Hợp tác Quốc tế	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, các tỉnh/thành phố...	- Số lượng đối tác, chương trình, dự án hợp tác. - Số lượng hội thảo, diễn đàn, sự kiện kết nối được tổ chức. - Mức độ tham gia của các thành viên...	Theo kế hoạch chi tiết
3.1	Xây dựng và phát triển mạng lưới đối tác trong nước (các viện nghiên cứu)	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, VCCI (ông	- Danh sách đối tác được cập nhật, phân loại. - Số lượng, chất lượng các mối quan hệ đối tác.	Quý 2/2025 (bắt

	cứu, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức KHCN, các tỉnh/thành...).			Khoa), các sở KHCN, các hội, hiệp hội...		đầu), liên tục
3.2	Xây dựng và phát triển mạng lưới đối tác quốc tế (các tổ chức KHCN, trường đại học, viện nghiên cứu, chuyên gia, nhà khoa học...).	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế	(Tùy Ban CH chỉ định, ưu tiên có mạng lưới quốc tế)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các đại sứ quán, tổ chức quốc tế, mạng lưới người Việt Nam ở nước ngoài...	- Danh sách đối tác quốc tế. - Số lượng, chất lượng các mối quan hệ đối tác quốc tế.	Quý 2/2025 (bắt đầu), liên tục
3.3	Tổ chức các hoạt động giao lưu, gặp gỡ, trao đổi, hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế (hội thảo, workshop, diễn đàn...).	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các đối tác...	- Số lượng, hình thức, quy mô các hoạt động. - Số lượng người tham gia. - Đánh giá chất lượng và hiệu quả các hoạt động.	Hàng quý, hàng năm
3.4	Tham gia các chương trình, dự án, mạng lưới hợp tác KHCN&ĐMST trong nước và quốc tế.	Ban Khoa học và Công nghệ	(Tùy Ban CH chỉ định)	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế, các ban chuyên môn, các đối tác...	- Số lượng chương trình, dự án, mạng lưới tham gia. - Vai trò, đóng góp của Hội trong các chương trình, dự án, mạng lưới này.	Hàng năm
3.5	Kết nối, hợp tác với các tỉnh/thành phố để triển khai các hoạt động KHCN&ĐMST (xác định nhu cầu, tìm kiếm giải pháp, chuyển giao công nghệ...).	(Có thể thành lập Ban/Tổ công tác riêng)	(Đề xuất: Ông Nguyễn Đức Hoàng và các thành viên có kinh nghiệm làm việc với địa phương)	Các ban chuyên môn, các sở KHCN, các doanh nghiệp, các tổ chức, hội, đoàn ở địa phương...	- Số lượng tỉnh/thành phố được kết nối. - Số lượng chương trình, dự án hợp tác được triển khai. - Kết quả cụ thể của các chương trình hợp tác.	Theo kế hoạch cụ thể
3.6	Tổ chức/tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong nước và quốc tế.	Ban Kinh tế/Ban KHCN (Tùy	(Tùy Ban CH chỉ định)	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế; Các sở, ngành liên quan, các doanh nghiệp...	- Số lượng, kết quả của các chương trình	Hàng năm

		vào sự phân công cụ thể)				
3.7	Nghiên cứu Nông nghiệp, tìm các đối tác trong và ngoài nước.	Ban nông nghiệp	TS. Bùi Văn Ngân	Các ban chuyên môn, các địa phương đang thực hiện và sẽ thực hiện	- Số lượng dự án hợp tác được thực hiện -Kết nối và phát triển được với các chuyên gia, đơn vị nước ngoài	Hàng năm
3.8	Phát triển KH-CN, giáo dục các nước, các nước phát triển, các nước láng giềng, bạn bè	Ban đối ngoại	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các trường Đại học, viện nghiên cứu và đối tác	- Số lượng, danh sách các trường đại học, đối tác đã ký kết hợp tác.	Hàng năm
4	Phát triển, kết nối và xây dựng mạng lưới đội ngũ trí thức, nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KH,CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	(Tùy Ban CH chỉ định, có thể là liên ban)	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, các chuyên gia...	- Số lượng hội viên mới. - Số lượng các hoạt động kết nối, đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức. - Mức độ hài lòng của hội viên...	Theo kế hoạch chi tiết
4.1	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) về đội ngũ trí thức, nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước.	Ban Tổ chức Hội	(Tùy Ban CH chỉ định, ưu tiên CNTT)	Ban Công nghệ Thông tin, các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, mạng lưới liên quan...	- CSDL được xây dựng, cập nhật và quản lý hiệu quả. - Quy chế quản lý, khai thác CSDL. - Số lượng hồ sơ được cập nhật. - Thống kê, phân loại	Quý 2/2025 (hoàn thiện), liên tục

4.2	Phát triển nền tảng trực tuyến (website, diễn đàn, mạng xã hội...) để kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các thành viên.	Ban Truyền thông và Báo chí	(Tùy Ban CH chỉ định)	Ban Công nghệ Thông tin, các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên...	- Nền tảng trực tuyến được vận hành ổn định, hiệu quả. - Số lượng thành viên tham gia, tương tác. - Phát triển thành viên.	Quý 2/2025, liên tục
4.3	Tổ chức các hoạt động kết nối, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các thành viên (trực tiếp và trực tuyến).	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế; BDH	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các hội, nhóm chuyên môn...	- Số lượng, hình thức, quy mô các hoạt động. - Số lượng thành viên tham gia. - Đánh giá chất lượng, hiệu quả các hoạt động.	Hàng quý, hàng năm
4.4	Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ trí thức, nhân lực chất lượng cao.	Ban Đào tạo - Bồi dưỡng	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức đào tạo, các chuyên gia...	- Số lượng, chương trình đào tạo- Số lượng người tham gia. - Đánh giá chất lượng, hiệu quả các chương trình. - Tăng cường chất lượng hội viên	Hàng năm
4.5	Xây dựng và triển khai chương trình mentor-mentee, kết nối các chuyên gia, nhà khoa học giàu kinh nghiệm với các trí thức trẻ.	Ban Đào tạo - Bồi dưỡng; Ban KHCN	(Đề xuất: các thành viên có kinh nghiệm)	Các ban chuyên môn, các tổ chức, hội, nhóm chuyên môn, các trường đại học, viện nghiên cứu...	- Quy chế hoạt động chương trình. - Số lượng cặp mentor-mentee. - Đánh giá hiệu quả chương trình. - Nâng cao chuyên môn	Quý 3/2025, liên tục
4.6	Thúc đẩy hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, các tổ chức liên quan...	- Số lượng chương trình, dự án hợp tác. - Số lượng sinh viên, nhà khoa học trẻ được hưởng lợi. - Kết quả cụ thể của các chương trình hợp tác.	Hàng năm
4.7	Tạo cơ hội cho các trí thức trẻ tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn khoa học trong nước và quốc tế.	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức, hội, nhóm chuyên môn,	- Số lượng trí thức trẻ được tham gia. - Kết quả, báo cáo sau khi tham gia. -	Hàng năm

				các trường đại học, viện nghiên cứu...	Phát triển, tăng cường kết nối chuyên môn	
4.8	Thu hút và phát triển hội viên mới, đặc biệt là các trí thức trẻ, tài năng, người Việt Nam ở nước ngoài.	Ban Tổ chức - Phát triển Hội	(Tùy Ban CH chỉ định)	Toàn bộ các đơn vị, thành viên và ban của hội	- Ít nhất hoàn thành theo như đề xuất, các ủy viên BCH phát triển hội viên.	Hàng năm
5	Phát huy năng lực, giá trị và kết nối đội ngũ trí thức; đẩy mạnh hiệu quả quản trị tri thức phục vụ các mục tiêu phát triển	(Tùy Ban CH chỉ định, có thể là liên ban)	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn, các tổ chức thành viên, các chuyên gia...	- Các hoạt động cụ thể, và số lượng các đơn vị thành viên chuyên trách được thành lập và phát triển	Theo kế hoạch chi tiết
5.1	Thành lập và phát triển các đơn vị thành viên chuyên trách (viện, trung tâm, câu lạc bộ...) về các lĩnh vực KH, CN & ĐMST ưu tiên.	Ban Tổ chức - Phát triển Hội	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn khác, các tổ chức KHCN, các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp...	- Số lượng đơn vị thành viên được thành lập (theo lĩnh vực, mục tiêu cụ thể). - Quy chế hoạt động của các đơn vị. - Kế hoạch hoạt động của các đơn vị.	Quý 2/2025 (khởi động), liên tục
5.2	Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý tri thức (knowledge management system - KMS) của Hội.	Ban Công nghệ Thông tin	(Tùy Ban CH chỉ định, ưu tiên chuyên gia CNTT)	Ban Tổ chức - Phát triển Hội, các ban chuyên môn khác, các chuyên gia về quản lý tri thức...	- Hệ thống KMS được xây dựng và đưa vào vận hành. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng KMS. - Số lượng thành viên tham gia sử dụng KMS. - Mức độ hài lòng của người dùng.	Quý 3/2025 (giai đoạn 1), liên tục

5.3	Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản trị tri thức cho cán bộ, hội viên.	Ban Đào tạo - Bồi dưỡng	(Tùy Ban CH chỉ định)	Ban Công nghệ Thông tin, các chuyên gia về quản lý tri thức, các tổ chức đào tạo...	- Số lượng khóa đào tạo, hội thảo, workshop được tổ chức. - Số lượng người tham gia. - Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các hoạt động đào tạo.	Hàng năm
5.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) về đội ngũ trí thức, chuyên gia trong và ngoài nước (theo lĩnh vực, chuyên môn, kinh nghiệm...).	Ban Tổ chức - Phát triển Hội; Ban KHCN	(Tùy Ban CH chỉ định)	Ban Công nghệ Thông tin, các ban chuyên môn khác, các tổ chức, mạng lưới liên quan...	- CSDL được xây dựng và cập nhật thường xuyên.- Quy chế quản lý, khai thác và bảo mật CSDL.- Phân loại danh sách và thống kê về đội ngũ trí thức	Quý 4/2025 (giai đoạn 1), liên tục
5.5	Phát triển nền tảng trực tuyến (cổng thông tin, diễn đàn, mạng xã hội...) để kết nối, trao đổi, chia sẻ tri thức giữa các thành viên.	Ban Truyền thông và Báo chí	(Tùy Ban CH chỉ định)	Ban Công nghệ Thông tin, các ban chuyên môn khác...	- Nền tảng trực tuyến được xây dựng và vận hành hiệu quả. - Số lượng thành viên tham gia. - Số lượng bài viết, thảo luận, chia sẻ...- Các nền tảng hoạt động tốt, kết nối chặt chẽ.	Quý 2/2025 (khởi động), liên tục
5.6	Tổ chức các hoạt động giao lưu, gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm giữa các thể hệ trí thức, giữa trí thức trong và ngoài nước.	Ban Đối ngoại - Hợp tác Quốc tế	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn khác, các tổ chức, hội đoàn liên quan...	- Số lượng, hình thức, quy mô các hoạt động giao lưu. - Số lượng người tham gia. - Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các hoạt động.	Hàng quý, hàng năm
5.7	Phát triển mạng lưới mentor (cố vấn) và mentee (người được cố vấn) trong Hội.	Ban Đào tạo - Bồi dưỡng	(Đề xuất: Các thành viên có kinh nghiệm)	Các ban chuyên môn khác, các tổ chức liên quan...	- Danh sách mentor và mentee được thiết lập. - Quy chế hoạt động của mạng lưới mentor-mentee. - Số lượng các cặp mentor-mentee được	Quý 3/2025 (khởi động), liên tục

					kết nối. - Đánh giá hiệu quả của chương trình.	
5.8	Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội của đội ngũ trí thức trong Hội.	Ban Khoa học và Công nghệ	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn khác, các tổ chức, cơ quan liên quan...	- Số lượng các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện, giám định được thực hiện. - Chất lượng và tác động của các hoạt động. - Báo cáo về các đóng góp chính sách	Hàng năm
6	Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, đặc biệt là công nghệ AI vào các hoạt động của hội, vào nghiên cứu và vào đời sống; Xây dựng tiêu chuẩn, hỗ trợ và ươm mầm các ý tưởng; Xã hội hóa hoạt động KHCN	(Tùy Ban CH chỉ định, có thể là liên ban)	(Đề xuất: Ông Đặng Văn Phúc, Ông Lại Thành Nam, và các chuyên gia về AI, tiêu chuẩn)	Các thành viên Hội, Các doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các chuyên gia, viện nghiên cứu và các trường đại học	- Số lượng hội thảo, chương trình, dự án về AI được triển khai.- Số lượng tiêu chuẩn được xây dựng.- Số lượng ý tưởng được hỗ trợ, ươm mầm.- Mức độ xã hội hóa các hoạt động KHCN...	Theo kế hoạch chi tiết
6.1	Xây dựng và triển khai chương trình ứng dụng AI trong hoạt động của Hội (quản lý, truyền thông, kết nối, nghiên cứu...).	Ban Công nghệ Thông tin; Ban Truyền thông và Báo chí	(Đề xuất: Ông Lại Thành Nam, Chuyên gia AI của Hội, có thể mời chuyên gia tư vấn)	Các ban chuyên môn khác, các tổ chức thành viên, các chuyên gia AI, các nhà cung cấp giải pháp AI...	- Kế hoạch chi tiết về ứng dụng AI trong các hoạt động của Hội. - Hệ thống/nền tảng/công cụ AI được lựa chọn và triển khai. - Hướng dẫn sử dụng. - Số lượng thành viên sử dụng.	Quý 3/2025 (bắt đầu), liên tục

					- Mức độ cải thiện hiệu quả hoạt động.	
6.2	Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, hội thảo, workshop về AI và các công nghệ mới cho hội viên và cộng đồng.	Ban Đào tạo - Bồi dưỡng; Ban KHCN	(Đề xuất: Ông Phạm Hiền, Chuyên gia AI, có thể hợp tác với các đơn vị đào tạo)	Các ban chuyên môn khác, các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức đào tạo...	- Số lượng các hoạt động đào tạo được tổ chức. - Số lượng người tham gia. - Chủ đề, nội dung đào tạo. - Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các hoạt động đào tạo. - Số lượng người tham gia	Hàng quý, hàng năm
6.3	Nghiên cứu, đề xuất và tham gia xây dựng các tiêu chuẩn liên quan đến AI, các lĩnh vực KHCN ưu tiên (như đường sắt cao tốc...).	Ban Khoa học và Công nghệ	(Đề xuất: Ông Nguyễn Thanh Sang, Ông Nguyễn Đức Hoàng và các chuyên gia liên quan)	Các ban chuyên môn khác, các viện nghiên cứu, trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tiêu chuẩn...	- Báo cáo nghiên cứu, đề xuất về các tiêu chuẩn. - Dự thảo tiêu chuẩn. - Số lượng các tiêu chuẩn được tham gia góp ý, xây dựng. - Số lượng chuyên gia tham gia xây dựng	Theo kế hoạch cụ thể
6.4	Triển khai chương trình hỗ trợ, ươm mầm ý tưởng KHCN (từ giai đoạn hình thành đến thương mại hóa).	(Có thể thành lập Ban/Tổ công tác riêng)	(Đề xuất: Ông Đặng Văn Phúc, Ông Bùi Văn Ngân, có thể mời thêm chuyên gia)	Các ban chuyên môn khác, các trường đại học, viện nghiên cứu, các quỹ đầu tư, các doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp...	- Quy chế, quy trình hỗ trợ, ươm mầm ý tưởng. - Phát triển ý tưởng và ứng dụng ý tưởng - Số lượng ý tưởng được hỗ trợ. - Số lượng dự án khởi nghiệp thành công. - Số vốn đầu tư thu hút được.	Quý 2/2025 (bắt đầu), liên tục
6.5	Tổ chức các cuộc thi, giải thưởng về ý tưởng, sáng kiến, dự án KHCN (có thể tập trung vào AI và các lĩnh vực ưu tiên).	(Có thể thành lập Ban/Tổ công tác riêng)	(Đề xuất: Ông Lại Thành Nam và các thành viên có kinh nghiệm tổ chức sự kiện)	Các ban chuyên môn khác, các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, các tổ chức tài trợ...	- Thể lệ, quy chế cuộc thi/giải thưởng. - Số lượng bài dự thi/ý tưởng tham gia. - Chất lượng các bài dự thi/ý tưởng. - Giải thưởng được trao.	Hàng năm

6.6	Xây dựng cơ chế và các hoạt động cụ thể để xã hội hóa hoạt động KHCN (thu hút sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng...).	Ban Chính sách; Ban KHCN	(Tùy Ban CH chỉ định)	Các ban chuyên môn khác, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước...	- Chính sách, cơ chế, quy định về xã hội hóa hoạt động KHCN. - Số lượng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp cho hoạt động KHCN của Hội. - Số tiền/nguồn lực huy động được.	Quý 4/2025 (bắt đầu), liên tục
6.7	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm Nông nghiệp bản địa và AI cho sinh viên người dân tộc	Ban chuyên môn về Nông nghiệp và Công nghệ	(Đề xuất: TS. Bàn Tuấn Năng)	Các ban chuyên môn, Viện Nghiên cứu Ứng dụng Nông nghiệp Bản địa và Văn hóa	- Số lượng dự án được thực hiện	Hàng năm